TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16/8/2022
"V/v Tranh chấp về hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Nguyễn Trung Kiên.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Phan Thị Nga;

2. Ông Nguyễn Thanh Liêm.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Đinh Bá Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Hồ Thanh Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 432/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 369/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 313/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kiều Tr, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp MT, xã MHĐ, huyện CM, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: xã B, huyên TB, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Bá Tr1, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp MT, xã MHĐ, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Kiều Tr trình bày, giữa bà Lê Thị Kiều Tr và anh Lê Bá Tr1 do tự quen biết, tìm hiểu và chung sống như vợ chồng từ năm 2015, không tổ chức đám cưới, đến năm 2017 mới thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 giữa chị Tr và anh Tr1 xảy ra nhiều mâu thuẫn, giữa hai vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, nguyên

do: cả hai cùng đi làm công ty, làm ca khác nhau, nên anh Tr1 không tin tưởng, dẫn đến ghen tuông vô cớ; trong năm này bà cũng mang thai cháu thứ 3, nhưng anh Tr1 không tin tưởng, nên bà đã chấp nhận bỏ con, kể từ đó chị Tr không còn tình cảm với anh Tr1, nên giữa chị Tr và anh Tr1 cũng tự sống ly thân từ đó đến nay.

Đến nay chị không còn tình cảm với anh Tr1, cũng không muốn chung sống với anh Tr1, do không còn tình cảm, nên chị đề nghị ly hôn với anh Tr1 theo quy định pháp luật.

+ Về con chung: có 02 con chung tên Lê Quang M1, sinh ngày 08/9/2016 và Lê Quang Đ, sinh ngày 02/4/2018, cả hai cháu hiện nay đang sống chung với chị Tr tại xã B, huyên TB, tỉnh Đồng Nai, các cháu được đi học, có chỗ ở ổn định. Chị Tr đề nghị nuôi con chung, không yêu cầu anh Tr1 phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Lê Bá Tr1 vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Bà Lê Thị Kiều Tr tại phiên tòa ngày 27/7/2022 có mặt, nhưng tại phiên tòa hôm nay có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bà Tr theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ông Lê Bá Tr1 vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến, do ông Út vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do, nên Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt ông Tr1.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bà Tr có đơn xin xét xử v ắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lê Bí Tr1 từ khi thụ lý vắng mặt nên xét xử theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết: bà Tr, ông Tr1 kết hôn có đăng ký kết hôn theo quy đin pháp luật, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ; do mâu thuẫn vợ chồng, nên bà Tr yêu cầu ly hôn với ông Trí. Xét thấy, xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau nên ông Trí hay ghen tuông vô cớ, làm đời sống chung vợ chồng thường xảy ra cự cãi và ly thân, từ khi bà Tr khởi kiện, ông Trí không có ý kiến phản hồi, cung không tạo điều kiện hàn gắn hạnh phúc, bà Tr xác định không còn tình cảm, nên việc bà Tr yêu cầu ly hôn là phù howpjl nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tr với ông Trí.

Về con chung: có 02 con chung tên Lê Quang M1, sinh ngày 08/9/2016 và Lê Quang Đ, sinh ngày 02/4/2018, hiện cháu M1, cháu Đ đang sống cùng bà Tr, bà Tr yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Việc giao con cho cha hoặc mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng phải căn cứ vào điều kiện sinh sống và phát Tr1ển của con, từ khi bà Tr và ông Trí ly thân, cháu M1, cháu Đ vẫn sống chung với bà Tr, phát Tr1ển bình thường về thể chất và tinh thần, nên để ổn định cuộc sống của con, nên đề nghị để bà Tr tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M1, cháu Đ, cấp dưỡng nuôi con do bà Tr không yêu cầu nên không đề cập đến.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Lê Thị Kiều Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Bá Tr1, cả 02 ông bà đều cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Tr có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Tr1 đã được Tòa án Tr1ệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà Tr, ông Tr1 là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: giữa bà Lê Thị Kiều Tr và ông Lê Bá Tr1 do tự quen biết, tìm hiểu và chung sống như vợ chồng từ năm 2015, không tổ chức đám cưới, đến năm 2017 mới thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, như vậy hôn nhân giữa bà Tr, ông Tr1 đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà Tr khẳng định không còn tình cảm, do giữa hai vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, nguyên do: cả hai cùng đi làm công ty, làm ca khác nhau, nên ông Tr1 không tin tưởng, dẫn đến ghen tuông vô cớ; trong năm này bà cũng mang thai cháu thứ 3, nhưng ông Tr1 không tin tưởng, nên bà đã chấp nhận bỏ con, kể từ đó bà Tr không còn tình cảm với ông Tr1, nên giữa bà Tr và ông Tr1 cũng tự sống ly thân từ đó đến nay, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Tr1 theo đúng quy định, nhưng ông Tr1 không có văn bản nêu ý kiến về quan hệ hôn nhân, điều này cho thấy ông Tr1 không mong muốn cùng bà Tr xây dựng hạnh phúc gia đình, nên tình trạng mâu thuẫn giữa bà Tr và ông Tr1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc bà Tr yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia

đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tr đối với ông Tr1.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà Lê Thị Kiều Tr, xác định trong thời gian chung sống giữa bà với ông Lê Bá Tr1 có 02 con chung tên Lê Quang M1, sinh ngày 08/9/2016 và Lê Quang Đ, sinh ngày 02/4/2018. Xét thấy, hiện nay các cháu M1, Đ đang được bà Tr chăm sóc, nuôi dưỡng, phát Tr1ển ổn định; bà Tr1nh cũng yêu cầu nuôi con, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Tr1 không có văn bản nêu ý kiến về con chung, điều này cho thấy ông Tr1 đã không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình đối với con chung. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các cháu M1, Đ, giúp các cháu phát Tr1ển tốt về thể chất, tinh thần, nên Hội đồng xét xử thống nhất giao các cháu M1, Đ cho bà Tr tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà Tr không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử thống nhất không đề cập xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[2.5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị Kiều Tr phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông Lê Bá Tr1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 53, các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 217, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Kiều Tr với ông Lê Bá Tr1;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kiều Tr được ly hôn với ông Lê Bá Tr1. Giấy chứng nhận kết hôn số 125 ngày 21 tháng 7 năm 2017 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho bà bà Lê Thị Kiều Tr và ông Lê Bá Tr1, không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho bà Lê Thị Kiều Tr được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Quang M1, sinh ngày 08/9/2016 và Lê Quang Đ, sinh ngày 02/4/2018. Ông Lê Bá Tr1 không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Lê Thị Kiều Tr cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Bá Tr1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản chung: không đề cập xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: không đề cập xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Kiều Tr phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004561 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 04 tháng 5 năm 2022; Bà Cao Thị Tr1nh đã nộp đủ án phí.

Ông Lê Bá Tr1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật bà Lê Thị Kiều Tr, ông Lê Bá Tr1, có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự (để thi hành) (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Kiên